

Bản án số: 103/2024/DS-ST

Ngày: 15/8/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đức, bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Ông Mai Văn T1 (Tàng), sinh năm 1976 (vắng mặt) và bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Năm 2019, bà có tham gia chơi hụi do ông Mai Văn T1 và bà Trần Thị Kim D làm chủ hụi, bà T hốt chốt được số tiền 30.500.000 đồng nhưng vợ chồng ông T1 bà D không giao tiền nên bà có gửi đơn khiếu nại ở B ấp T. Tại ban ấp, ông T1 thừa nhận nợ hụi số tiền 30.500.000 đồng và trả được số tiền 20.000.000 đồng, còn nợ lại 10.500.000 đồng hẹn đến ngày 10/5/2019 trả nhưng đến nay không thanh toán mặc dù bà T nhiều lần yêu cầu. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông Mai Văn T1 (Tàng) và bà Trần Thị Kim D thanh toán số tiền nợ hụi là 10.500.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định từ ngày 10/5/2019 đến khi thanh toán xong.

Bị đơn là ông **Mai Văn T1** (Tàng) và bà **Trần Thị Kim D** đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông **Mai Văn T1** (Tàng) và bà **Trần Thị Kim D** trả tiền nợ hụi 10.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định từ ngày 10/5/2019 đến khi thanh toán xong.

Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền hụi còn nợ là 10.500.000 đồng và tiền lãi theo quy định từ ngày 10/5/2019 đến khi thanh toán xong. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về tố tụng:*

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hụi vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại **huyện T, tỉnh An Giang** nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thụ lý vụ án dân sự và giải quyết là đúng quy định tại Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do xem như đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

Căn cứ các biên bản hòa giải tại Ban **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang** về việc tranh chấp nợ hụi giữa bà **T** và ông **T1** thể hiện nội dung ông **T1** có nợ hụi bà **T** số tiền 10.500.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt họp lệ



các văn bản tố tụng thể hiện nội dung khởi kiện của bà T cho vợ chồng ông T1, bà D biết nhưng ông bà đều từ chối nhận văn bản và cũng không có văn bản phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và mặc dù bà D không có mặt tham gia hòa giải nhưng việc chơi hụi giữa hai bên theo nguyên đơn là công khai nhiều năm và theo Bản án số 44/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thể hiện nội dung ông T1, bà D khởi kiện bà T về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại liên quan đến tranh chấp nợ hụi, chứng tỏ bà D có biết việc chơi hụi, nợ hụi nên bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 bà D liên đới trả nợ hụi 10.500.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi: Ông Tấn bà D là chủ hụi nhưng không giao tiền hụi cho người chơi được hốt là bà T đã ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà T nên bà T yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận. Theo Biên bản hòa giải ngày 03/4/2019 của Ban **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang** thì ông T1 (Tàng) cam kết đến ngày 10/5/2019 thanh toán số tiền 10.500.000 đồng nhưng không thực hiện như cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ nhưng do các bên không có thỏa thuận về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ nên căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 10/5/2019 đến khi Tòa án xét xử 15/8/2024 là 5 năm 3 tháng 6 ngày nhưng nguyên đơn tự nguyện tính tròn 5 năm là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau:

$10.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 5 \text{ năm} = 5.250.000 \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi ông T1 bà D phải thanh toán cho bà T là 15.750.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ các điều 117, 288, 357, khoản 2 Điều 468 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ Điều 24, 25, 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

**Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà **Trần Thị Mỹ T.**

Buộc bị đơn là ông **Mai Văn T1** (Tàng) và bà **Trần Thị Kim D** có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Trần Thị Mỹ T** số tiền 15.750.000 đồng (*Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc là 10.500.000 đồng và tiền lãi là 5.250.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Mai Văn T1** (T2) và bà **Trần Thị Kim D** phải chịu 787.500 (*Bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà **Trần Thị Mỹ T** được nhận lại 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013581 ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Linh**